ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Biểu số 66/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 31 /12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	TỔNG SỐ	**5.471.720**	**933.329**	**2.102.257**	**5.176**	**1.000**	**184.010**	**2.245.948**	**11.393.587,86**	**734.179,46**	**2.019.613,22**	**4.628,14**	**1.000,00**	**73.004,93**	***3.708,46***	***69.296,47***	**1.571.626,35**	**2.796.360,28**	**301.772,23**	**3.891.403,26**	**208%**	**79%**	**96%**
	Sở Ngoại vụ								2.053,03	2.053,03				0,00									
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								10.303,99	10.303,99				0,00									
	Sở Kế hoạch và Đầu tư								36.424,87	36.424,87				0,00									
	Sở Khoa học và Công nghệ								8.009,80	8.009,80				0,00									
	Sở Xây dựng								6.567,11	6.567,11				0,00									
	Sở Giao thông - Vận tải								12.486,72	12.486,72				0,00									
	Sở Giáo dục và Đào tạo								661,89	661,89				0,00									
	Sở Y tế								1.550,08	1.550,08				0,00									
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch								27.030,69	27.030,69				0,00									
	Sở Tài nguyên và Môi trường								86.404,99	86.404,99				0,00									
	Sở Thông tin và Truyền thông								5.743,63	5.743,63				0,00									
	Sở Nội vụ								1.526,08	1.526,08				0,00									
	Đài Phát thanh - Truyền hình								319,53	319,53				0,00									
	Văn phòng Tỉnh ủy								832,72	832,72				0,00									
	Kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh								39.153,35	39.153,35				0,00									
	Hội Di sản Văn hóa tỉnh Quảng Trị(1008525)								10.000,00	10.000,00				0,00									
	Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị(1125627)								19.376,00	19.376,00				0,00									
	Bộ Chỉ huy Quân Sự tỉnh(7004686)								41.529,22	41.529,22				0,00									
	Mã số các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đặc biệt thuộc Bộ Công an(7004692)								4.897,84	4.897,84				0,00									
	Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Quán Ngang(7005353)								28,19	28,19				0,00									
	Các tuyến đường nối Cụm CNTT phía Tây Bắc thị trấn Lao Bảo với Quốc lộ 9(7034315)								35,82	35,82				0,00									
	Xây dựng CSHT cụm sản xuất công nghiệp tập trung phía Tây Bắc thị trấn Lao Bảo huyện Hướng Hóa thuộc Khu Thương mại Lao Bảo(7045180)								234,31	234,31				0,00									
	Cầu Vĩnh Phước trên tuyến đường Hùng Vương nối dài(7049663)								2,10	2,10				0,00									
	Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị(7173521)								23.107,27	23.107,27				0,00									
	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn, kè chống xói lở; PCLB và PTKT khu vực hai bên bờ sông Thạch Hãn đoạn từ thượng lưu cầu Thạ(7275097)								6.629,90	6.629,90				0,00									
	Cầu Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị(7313440)								3.207,00	3.207,00				0,00									
	Tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thị xã Quảng Trị(hạng mục cầu Thành Cổ và đường dẫn), tỉnh Quảng Trị(7317533)								36,58	36,58				0,00									
	Cắm mốc theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, tỷ lệ 1/2000(7486555)								3,18	3,18				0,00									
	Trường Mầm non Phường 4, thành phố Đông Hà(7498516)								196,69	196,69				0,00									
	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Lao Bảo - Tân Thành giai đoạn 2(7506280)								173,79	173,79				0,00									
	Hoàn thiện kết cấu hạ tầng một số tuyến chính tại khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)(7506283)								999,81	999,81				0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Nâng cấp, mở rộng Trạm kiểm soát liên hợp Tân Hợp (giai đoạn 2)(7514575)								176,45	176,45				0,00									
	Hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Trị(7559915)								105,33	105,33				0,00									
	Hệ thống xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Quán Ngang (Giai đoạn 1)(7562035)								1.161,18	1.161,18				0,00									
	Cầu Bến Lội xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong(7568089)								6.430,51	6.430,51				0,00									
	Nâng cấp hồ chứa nước thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh(7568517)								1.375,35	1.375,35				0,00									
	Xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà(7589660)								126,67	126,67				0,00									
	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Local Road Assets Management Project - LRAMP)(7593697)								600,85	600,85				0,00									
	Đường nối khu công nghiệp Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (Đường trung tâm trục dọc Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị)(7622621)								3.987,77	3.987,77				0,00									
	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị, thị xã Quảng Trị(7654884)								485,23	485,23				0,00									
	Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn(7658520)								94,83	94,83				0,00									
	Hệ thống thủy lợi Ba Hồ - Bản Chùa(7704004)								919,01	919,01				0,00									
	Nhà lưu niệm nhà thơ Chế Lan Viên(7732962)								100,00	100,00				0,00									
	Trường Tiểu học xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong(7736296)								6,23	6,23				0,00									
	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị(7746454)								536,73	536,73				0,00									
	Kênh tiêu Như lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị(7748520)								20,90	20,90				0,00									
	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Trị(7750871)								25.158,44	25.158,44				0,00									
	Trường Trung học phổ thông Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng(7753271)								6.900,03	6.900,03				0,00									
	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở dự án thành phần tại tỉnh Quảng Trị(7768216)								17.621,01	17.621,01				0,00									
	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Quảng Trường và khuôn viên Trung tâm Văn hóa -Điện ảnh tỉnh Quảng Trị(7800267)								168,43	168,43				0,00									
	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị, hạng mục: Nhà điều trị nội trú Khoa ung bướu(7804811)								2.531,34	2.531,34				0,00									
	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Đông Hà(7810186)								615,92	615,92				0,00									
	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Hải Lăng(7832950)								2.938,42	2.938,42				0,00									
	Nhà Văn hóa huyện Gio Linh(7839360)								4.699,22	4.699,22				0,00									
	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh(7839427)								5.330,00	5.330,00				0,00									
	Đường huyện ĐH.43, huyện Triệu Phong(7863547)								1.950,68	1.950,68				0,00									
	Trường mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh(7873478)								1.382,07	1.382,07				0,00									
	Hợp phần bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình: Cơ sở hạ tầng khu dịch vụ du lịch Cửa Tùng – Cửa Việt đoạn qua huyện Vĩnh Linh(7873764)								329,59	329,59				0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Cơ sở hạ tầng khu dịch vụ du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (địa phận huyện Gio Linh)(7875661)								5,20	5,20				0,00									
	Hợp phần bồi thường, hỗ trợ GPMB thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị do UBND huyện Triệu Phong làm Chủ đầu tư(7876954)								5.042,71	5.042,71				0,00									
	Hợp phần bồi thường , hỗ trợ GPMB thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị do UBND huyện Cam lộ làm chủ đầu tư(7877964)								429,21	429,21				0,00									
	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong(7879594)								470,29	470,29				0,00									
	Trường trung học cơ sở Thành Cổ, thị xã Quảng Trị (Giai đoạn 1)(7880147)								2.882,97	2.882,97				0,00									
	Hệ thống tiêu thoát nước khu phố 3 phường An Đôn(7882227)								1.900,00	1.900,00				0,00									
	Hợp phần bồi thường, hỗ trợ GPMB thuộc Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BHG2) địa phận huyện Hải Lăng(7882230)								16,27	16,27				0,00									
	Nhà nội trú Trường THPT Đakrông(7883449)								1.860,00	1.860,00				0,00									
	Xây dựng mới Trường THCS Nguyễn Trãi (giai đoạn 2)(7888664)								4.965,29	4.965,29				0,00									
	Trường TH THCS Hải Ba; Hạng mục: Phòng học(7890929)								1.643,27	1.643,27				0,00									
	Trường TH THCS Thiện - Thành; Hạng mục: Phòng học bộ môn(7891301)								2.155,42	2.155,42				0,00									
	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam(7894369)								477,37	477,37				0,00									
	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1(7894373)								29.654,82	29.654,82				0,00									
	Trường THTHCS Vĩnh Hòa (điểm trường THCS), Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn(7896100)								893,51	893,51				0,00									
	Trường Mầm non số 2 Kim Thạch; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng(7896163)								935,99	935,99				0,00									
	Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà Nội trú(7896166)								5.298,30	5.298,30				0,00									
	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục; Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm(7897197)								6.619,69	6.619,69				0,00									
	San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)(7898160)								6.449,61	6.449,61				0,00									
	Đường giao thông và cầu qua sông Nhùng, huyện Hải Lăng(7901850)								101,20	101,20				0,00									
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Cồn Tiên, hạng mục: Nhà học thực hành(7903335)								7.169,33	7.169,33				0,00									
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bến Quan, hạng mục: Nhà học thực hành(7903336)								4.497,15	4.497,15				0,00									
	Trường TH THCS Hải Chánh; Hạng mục: Nhà học bộ môn(7903598)								1.968,76	1.968,76				0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt(7904711)								1.129,63	1.129,63				0,00									
	Kênh tiêu úng Mụ cheo, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong thuộc dự án: Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Trị(7904866)								966,11	966,11				0,00									
	Quy hoạch vùng huyện Hải Lăng(7905218)								206,46	206,46				0,00									
	Trường THCS thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà hiệu bộ(7907940)								344,00	344,00				0,00									
	Trường tiểu học thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà 02 tầng 08 phòng học(7907941)								2.348,21	2.348,21				0,00									
	Hạ tầng khu tái định cư tại xã Trung Giang, huyện Gio Linh(7908465)								965,18	965,18				0,00									
	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn huyện nông thôn mới ; Hạng mục: Đường giao thông liên xã thị trấn Cam Lộ - Cam Thành(7910353)								2.422,45	2.422,45				0,00									
	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông(7910695)								768,00	768,00				0,00									
	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe sanh, huyện Hướng Hóa(7911837)								3.854,63	3.854,63				0,00									
	Trường Mầm non Bình Minh , xã Cam Chính(7913561)								1.300,00	1.300,00				0,00									
	Trường Mầm non Tuổi Hoa, xã Thanh An(7913562)								2.825,17	2.825,17				0,00									
	Trung tâm chính trị huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Xây mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ(7915494)								3.505,55	3.505,55				0,00									
	Đường Dương Văn An (kéo dài) thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ(7916739)								5.948,64	5.948,64				0,00									
	Trường mầm non Phong Bình số 1, hạng mục: 6 phòng học(7917267)								642,24	642,24				0,00									
	Trường Mầm non A Túc(7919384)								3.821,45	3.821,45				0,00									
	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng), thành phố Đông Hà(7919386)								1.507,44	1.507,44				0,00									
	Trường mầm non Triệu Sơn; Hạng mục: Nhà 02 tầng, 06 phòng học(7920757)								1.165,03	1.165,03				0,00									
	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm; Hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học(7920759)								1.332,14	1.332,14				0,00									
	Vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đông Hà(7920767)								5.785,22	5.785,22				0,00									
	Hoàn thiện công trình xây dựng Trung tâm Truyền hình kỹ thuật số Đài phát thanh - Truyền hình Quảng Trị(7920768)								6.352,75	6.352,75				0,00									
	Trường mầm non Triệu Giang; Hạng mục: Nhà 02 tầng, 06 phòng học(7920769)								1.390,14	1.390,14				0,00									
	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi; Hạng mục: Xây mới Khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm, Nhà cầu nối và cải tạo, sửa chữa một s(7921069)								1.115,69	1.115,69				0,00									
	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Cồn Cỏ giai đoạn 2(7922035)								10.869,04	10.869,04				0,00									
	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị(7928946)								100,00	100,00				0,00									
	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện(7929254)								10.626,06	10.626,06				0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán													So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông(7929844)								2.060,00	2.060,00				0,00										
	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050(7930970)								305,39	305,39				0,00										
	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Linh đến năm 2040, định hướng đến năm 2050(7930972)								67,71	67,71				0,00										
	Nhà đặt máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số(7930977)								134,20	134,20				0,00										
	Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị(7930978)								8.026,96	8.026,96				0,00										
	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phường 3, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị(7932855)								300,00	300,00				0,00										
	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị(7932856)								300,00	300,00				0,00										
	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị(7932857)								300,00	300,00				0,00										
	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Đông Giang, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị(7932858)								300,00	300,00				0,00										
	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị(7932859)								300,00	300,00				0,00										
	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo khối phòng học(7933148)								3.320,22	3.320,22				0,00										
	Chợ Cam Nghĩa , huyện Cam Lộ(7933584)								1.051,52	1.051,52				0,00										
	Thành phần 2: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện Đakrông, huyện Hướng Hóa thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị trực thuộc (7933652)								7.063,62	7.063,62				0,00										
	Thành phần 3: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện TP, huyện HL, TX Quảng Trị thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị trực thuộc (7933653)								16.019,98	16.019,98				0,00										
	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)(7934251)								5.125,31	5.125,31				0,00										
	Thành phần 1: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện VL, huyện GL, huyện CL và TP Đông Hà thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị tr (7934255)								7.844,23	7.844,23				0,00										
	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh(7934557)								9.093,39	9.093,39				0,00										
	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông(7934558)								1.307,76	1.307,76				0,00										
	Trường Tiểu học và THCS Hướng Việt; Hạng mục: Phòng học bộ môn(7936193)								1.325,99	1.325,99				0,00										
	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành; Hạng mục: Nhà đa năng(7936196)								800,00	800,00				0,00										
	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị(7936221)								2.013,40	2.013,40				0,00										
	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh(7939178)								7.524,76	7.524,76				0,00										
	Đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu - giai đoạn 1(7939179)								1.315,28	1.315,28				0,00										

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Trường Trung học cơ sở Triệu An; Hạng mục: nhà 02 tầng 06 phòng học(7939180)								1.500,00	1.500,00				0,00									
	Vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân(7939181)								883,55	883,55				0,00									
	Hội trường Huyện ủy Cam Lộ(7940815)								2.182,94	2.182,94				0,00									
	Trường THPT Triệu Phong. Hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành(7940816)								2.954,24	2.954,24				0,00									
	Trạm Y tế xã Cam Nghĩa(7940817)								2.000,00	2.000,00				0,00									
	Trường Tiểu học Kim Đồng; Hạng mục: Xây dựng tầng 2, 3 phòng học(7940840)								460,95	460,95				0,00									
	Trạm y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ(7940841)								2.285,88	2.285,88				0,00									
	Trường tiểu học Hướng Tân; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, cổng, hàng rào(7944330)								1.950,00	1.950,00				0,00									
	Trường phổ thông dân tộc nội trú Gio Linh; Hạng mục: Xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên(7945318)								4.980,00	4.980,00				0,00									
	Trường THCS thị trấn Gio Linh; Hạng mục: Nhà học bộ môn(7945319)								2.601,20	2.601,20				0,00									
	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung xây dựng thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông đến năm 2035, định hướng đến năm 2040(7948772)								392,01	392,01				0,00									
	Sửa chữa, nâng cấp công viên Lê Duẩn(7949785)								60,50	60,50				0,00									
	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa(7950712)								1.064,67	1.064,67				0,00									
	Điều chỉnh mở rộng bãi tắm Cửa Việt thuộc khu dịch vụ - du lịch Cửa Việt(7950714)								1.546,28	1.546,28				0,00									
	Vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, thành phố Đông Hà(7953622)								2.108,74	2.108,74				0,00									
	Văn phòng Hội đồng nhân dân								22.870,44		22.870,44			0,00									
	Trung tâm Tin học tỉnh Quảng Trị(1033130)								3.491,99		3.491,99			0,00									
	Văn phòng UBND tỉnh QuảngTrị(1046140)								30.639,80		30.639,80			0,00									
	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Quảng Trị(1128348)								6.639,13		6.639,13			0,00									
	Sở Ngoại vụ								15.416,63		15.416,63			0,00									
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								117.517,80		117.517,80			0,00									
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Quảng Trị(1002282)								7.948,00		7.948,00			0,00									
	Ban quản lý Cảng cá Quảng Trị(1020239)								1.469,00		1.469,00			0,00									
	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn(1022348)								1.922,66		1.922,66			0,00									
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị(1022516)								5.574,20		5.574,20			0,00									
	BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải(1027926)								216,00		216,00			0,00									
	BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn(1027927)								81,00		81,00			0,00									
	BQL rừng phòng hộ Hướng Hoá - ĐaKrông(1028835)								3.356,10		3.356,10			0,00									
	Hạt Kiểm lâm Cam Lộ(1036204)								2.010,89		2.010,89			0,00									
	Hạt Kiểm lâm Vĩnh Linh(1036298)								2.632,83		2.632,83			0,00									
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Trị(1036302)								9.938,22		9.938,22			0,00									
	Chi cục Thuỷ sản QuảngTrị(1036440)								6.711,64		6.711,64			0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG		Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*								
	Hạt Kiểm lâm Gio Linh(1036516)								2.006,59		2.006,59			0,00									
	Trung tâm Điều tra Quy hoạch thiết kế Nông - Lâm Quảng Trị(1036578)								604,27		604,27			0,00									
	Hạt kiểm lâm Đakrông(1036677)								4.479,17		4.479,17			0,00									
	Hạt Kiểm Lâm Triệu Phong(1036683)								1.758,10		1.758,10			0,00									
	Hạt Kiểm lâm Hải Lăng(1036765)								2.221,38		2.221,38			0,00									
	Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi Quảng Trị(1041537)								1.625,87		1.625,87			0,00									
	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Trị(1045685)								3.428,37		3.428,37			0,00									
	Hạt Kiểm lâm Hướng Hoá(1045914)								4.741,46		4.741,46			0,00									
	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm QuảngTrị(1045915)								14.042,82		14.042,82			0,00									
	BQL khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông(1063463)								3.785,40		3.785,40			0,00									
	Trung tâm khuyến nông(1096645)								9.913,88		9.913,88			0,00									
	Chi cục Thủy lợi Quảng Trị(1096701)								12.536,96		12.536,96			0,00									
	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản(1097329)								3.178,55		3.178,55			0,00									
	Ban quản lý Khu bảo tồn biển Đảo Cồn Cỏ(1100958)								1.972,80		1.972,80			0,00									
	Ban quản ký Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng hoá(1105630)								3.638,84		3.638,84			0,00									
	Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị(1110877)								768,55		768,55			0,00									
	Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông(1125321)								3.704,22		3.704,22			0,00									
	Ban QLDA "Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)" tỉnh Quảng Trị(1131195)								1.147,79		1.147,79			0,00									
	Văn phòng thường trực Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021-2025(1132603)								102,23		102,23			0,00									
	Sở Kế hoạch và Đầu tư								10.395,71		10.395,71			0,00									
	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị(1035357)								3.232,75		3.232,75			0,00									
	Sở Tư Pháp Quảng Trị(1045625)								8.893,78		8.893,78			0,00									
	Sở Công Thương Quảng Trị(1023050)								7.654,40		7.654,40			0,00									
	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp(1033666)								5.836,44		5.836,44			0,00									
	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ(1021051)								6.006,64		6.006,64			0,00									
	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị(1045683)								189,50		189,50			0,00									
	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị(1045858)								10.948,00		10.948,00			0,00									
	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo Lường Chất lượng(1109890)								1.933,51		1.933,51			0,00									
	Sở Tài chính								10.062,45		10.062,45			0,00									
	Sở Xây dựng								6.348,53		6.348,53			0,00									
	Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị(1045681)								2.681,36		2.681,36			0,00									
	Văn phòng Sở Giao thông - Vận tải tỉnh Quảng Trị(1045852)								8.613,34		8.613,34			0,00									
	Ban an toàn giao thông tỉnh Quảng Trị(1076061)								1.312,81		1.312,81			0,00									
	Ban Quản lý bảo trì giao thông(1119657)								95.511,59		95.511,59			0,00									
	Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Quảng Trị(1125360)								1.577,00		1.577,00			0,00									
	Văn Phòng Sở Giáo dục - Đào tạo Quảng trị(1045863)								43.021,40		43.021,40			0,00									
	Trường THPT Trần Thị Tâm(1033432)								7.687,98		7.687,98			0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán													So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Trường THPT Lê Lợi(1033486)								12.636,98		12.636,98			0,00										
	Trường THPT Lê Thế Hiếu(1033493)								5.190,29		5.190,29			0,00										
	Trường Trung học Phổ thông Đakrông(1035231)								16.394,98		16.394,98			0,00										
	Trường THPT Đông Hà(1036063)								13.912,57		13.912,57			0,00										
	Trường Trung Học phổ thông Hướng Hoá(1036346)								13.644,09		13.644,09			0,00										
	Trường THPT Triệu Phong(1036536)								11.505,35		11.505,35			0,00										
	Trường THPT Cam Lộ(1036586)								11.042,65		11.042,65			0,00										
	Trường THPT Nguyễn Huệ(1036587)								8.664,77		8.664,77			0,00										
	Trường THPT thị xã Quảng Trị(1036588)								12.070,09		12.070,09			0,00										
	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn(1036590)								24.210,96		24.210,96			0,00										
	Trường THPT Nguyễn Du - Huyện Gio Linh(1036779)								9.023,04		9.023,04			0,00										
	Trường THPT Hải Lăng(1045489)								12.149,84		12.149,84			0,00										
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bến Hải(1045495)								8.493,47		8.493,47			0,00										
	Trường THPT Cửa Tùng(1045679)								9.068,78		9.068,78			0,00										
	Trường THPT Gio Linh(1049857)								12.007,99		12.007,99			0,00										
	Trường THPT Chu Văn An(1049858)								9.836,63		9.836,63			0,00										
	Trường Trung học phổ thông Bùi Dục Tài(1049863)								8.100,34		8.100,34			0,00										
	Trường THPT Lao Bảo(1051853)								7.861,02		7.861,02			0,00										
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Lâm(1051859)								2.900,41		2.900,41			0,00										
	Trường PT dân tộc nội trú tỉnh QuảngTrị(1051860)								14.056,39		14.056,39			0,00										
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Cồn Tiên(1051861)								10.909,87		10.909,87			0,00										
	Trường Trẻ em khuyết tật tỉnh Quảng Trị(1064139)								10.512,01		10.512,01			0,00										
	Trường THPT Vĩnh Linh(1064141)								11.515,54		11.515,54			0,00										
	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Định(1076065)								11.193,39		11.193,39			0,00										
	Trường THPT A Túc(1084104)								9.640,05		9.640,05			0,00										
	Trường THPT Hướng Phùng(1084105)								10.339,47		10.339,47			0,00										
	Trường THPT Nguyễn Hữu Thận(1100091)								5.132,83		5.132,83			0,00										
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đakrông(1102923)								19.694,58		19.694,58			0,00										
	Trường Trung học phổ thông Chế Lan Viên(1105120)								11.972,35		11.972,35			0,00										
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bến Quan(1122542)								6.998,50		6.998,50			0,00										
	Văn phòng Sở Y tế(1046083)								8.823,05		8.823,05			0,00										
	Phòng quản lý sức khoẻ cán bộ tỉnh Quảng Trị(1023774)								171,62		171,62			0,00										
	Trung tâm Y tế huyện Gio Linh(1032925)								43.110,37		43.110,37			0,00										
	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh(1032926)								37.588,85		37.588,85			0,00										
	Trung tâm Y tế huyện Hải Lăng(1032928)								34.925,75		34.925,75			0,00										
	Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ(1032930)								24.937,89		24.937,89			0,00										
	Trung tâm Y tế huyện Hướng Hóa(1033133)								54.843,91		54.843,91			0,00										
	Trung tâm Mắt(1035230)								2.959,08		2.959,08			0,00										
	Trung tâm y tế TX Quảng Trị(1035970)								19.351,75		19.351,75			0,00										
	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm(1036824)								5.530,96		5.530,96			0,00										
	Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải(1039423)								1.974,54		1.974,54			0,00										
	Trung tâm giám định Y khoa Quảng Trị(1045906)								554,79		554,79			0,00										

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán													So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị(1067505)								4.654,03		4.654,03			0,00									
	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị(1078670)								4.749,92		4.749,92			0,00									
	VP Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh Quảng Trị(1081196)								3.225,19		3.225,19			0,00									
	Trung tâm Y tế huyện Đakrông(1083960)								38.204,99		38.204,99			0,00									
	Chi cục An toàn vệ sinh Thực phẩm(1096703)								2.455,72		2.455,72			0,00									
	Ban quản lý Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị(1119796)								5.368,99		5.368,99			0,00									
	Bệnh viện Chuyên khoa Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Trị(1120302)								6.038,03		6.038,03			0,00									
	Trung tâm Y tế quân - dân y huyện đảo Cồn Cỏ(1123757)								2.405,96		2.405,96			0,00									
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị(1127896)								13.070,91		13.070,91			0,00									
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Vĩnh Linh(1132734)								8.669,24		8.669,24			0,00									
	Ban quản lý dự án Sáng kiến ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023 tỉnh Quảng Trị(3030805)								441,28		441,28			0,00									
	VP Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Trị(1045621)								10.665,09		10.665,09			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hải Lăng(1017542)								199,90		199,90			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Triệu Phong(1021657)								420,90		420,90			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Gio Linh(1023054)								543,80		543,80			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TP Đông Hà(1023056)								275,00		275,00			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Linh(1023502)								725,70		725,70			0,00									
	Ban Quản lý Nghĩa trang và Đón tiếp thân nhân liệt sỹ tỉnh Quảng Trị(1036342)								6.237,94		6.237,94			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Đakrông(1036570)								29,80		29,80			0,00									
	Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội(1039421)								4.161,33		4.161,33			0,00									
	Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Trị(1039502)								962,00		962,00			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hướng Hóa(1081007)								122,30		122,30			0,00									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cam Lộ(1081195)								170,10		170,10			0,00									
	Trung tâm Bảo trợ Xã hội tổng hợp 1 tỉnh Quảng Trị(1125204)								11.152,20		11.152,20			0,00									
	VP Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị(1035904)								10.032,01		10.032,01			0,00									
	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Quảng Trị(1035901)								12.993,53		12.993,53			0,00									
	Đoàn nghệ thuật truyền thống tỉnh Quảng Trị(1036514)								7.319,41		7.319,41			0,00									
	Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị(1036991)								6.264,29		6.264,29			0,00									
	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Quảng Trị(1039496)								6.598,18		6.598,18			0,00									
	Thư viện tỉnh QuảngTrị(1047115)								5.408,76		5.408,76			0,00									
	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị(1036095)								19.755,92		19.755,92			0,00									
	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị(1020818)								697,54		697,54			0,00									
	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị(1029290)								26.286,40		26.286,40			0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị(1033631)								4.973,35		4.973,35			0,00									
	Chi cục Bảo vệ môi trường Quảng Trị(1108199)								8.001,73		8.001,73			0,00									
	Ban quản lý Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị(3027207)								884,19		884,19			0,00									
	Trung tâm CNTT và Truyền thông Quảng Trị(1028536)								1.549,73		1.549,73			0,00									
	Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Trị(1031562)								10.816,43		10.816,43			0,00									
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Trị(1033129)								3.532,61		3.532,61			0,00									
	Ban thi đua khen thưởng tỉnh Quảng Trị(1033527)								13.384,73		13.384,73			0,00									
	Sở Nội vụ Quảng Trị(1044899)								13.297,03		13.297,03			0,00									
	Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Trị(1064368)								2.220,63		2.220,63			0,00									
	Thanh tra tỉnh								7.439,24		7.439,24			0,00									
	Đài Phát thanh - Truyền hình								29.189,37		29.189,37			0,00									
	Liên minh các hợp tác xã								2.720,26		2.720,26			0,00									
	Ban Dân tộc								4.263,98		4.263,98			0,00									
	Văn phòng Tỉnh ủy								124.718,31		124.718,31			0,00									
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh								8.634,20		8.634,20			0,00									
	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Quảng Trị(1031557)								1.579,63		1.579,63			0,00									
	Tỉnh Đoàn Thanh niên Quảng Trị(1035356)								5.472,79		5.472,79			0,00									
	Đoàn Khối các cơ quan tỉnh Quảng Trị(1036348)								729,03		729,03			0,00									
	Nhà thiếu nhi Quảng Trị(1036829)								2.776,12		2.776,12			0,00									
	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh								6.722,41		6.722,41			0,00									
	Hội Nông dân tỉnh								5.113,46		5.113,46			0,00									
	Hội Cựu chiến binh tỉnh								2.712,90		2.712,90			0,00									
	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật								1.697,54		1.697,54			0,00									
	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị								1.120,28		1.120,28			0,00									
	Hội Nhà báo								1.583,64		1.583,64			0,00									
	Hội Luật gia								140,00		140,00			0,00									
	Hội Chữ thập đỏ								1.970,47		1.970,47			0,00									
	Hội Người cao tuổi								1.058,22		1.058,22			0,00									
	Hội Người mù								765,85		765,85			0,00									
	Hội Đông y								159,09		159,09			0,00									
	Hội Cựu thanh niên xung phong								332,62		332,62			0,00									
	Hội Khuyến học								1.152,16		1.152,16			0,00									
	Tỉnh chi BSNS Công ty TNHH một thành viên quản lý khai thác công trình thuỷ lợi Quảng Trị(1079536)								42.883,37		42.883,37			0,00									
	Văn phòng Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Trị(1003069)								782,00		782,00			0,00									
	Hội Di sản Văn hóa tỉnh Quảng Trị(1008525)								68.546,32		68.546,32			0,00									
	Tạp chí Cửa Việt(1035902)								2.574,00		2.574,00			0,00									
	Trường Chính trị Lê Duẩn(1036761)								10.349,62		10.349,62			0,00									
	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lộ(1036848)								491,15		491,15			0,00									
	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị(1036993)								6.032,75		6.032,75			0,00									
	Hội văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Trị(1036995)								2.026,59		2.026,59			0,00									
	Công an Tỉnh(1053629)								18.627,04		18.627,04			0,00									
	Tỉnh đội(1053630)								96.609,25		96.609,25			0,00									
	Văn phòng Cục thuế tỉnh Quảng Trị - Cục thuế Tỉnh Quảng Trị(1056278)								929,26		929,26			0,00									
	Bảo hiểm Xã hội Tỉnh Quảng Trị(1056972)								209.965,77		209.965,77			0,00									
	Văn phòng Cục Thống kê Tỉnh Quảng Trị(1059254)								300,00		300,00			0,00									
	Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Đông Hà(1064127)								166,50		166,50			0,00									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị(1064282)								17.317,57		17.317,57			0,00									
	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị(1105032)								7.039,57		7.039,57			0,00									
	Hội Người khuyết tật, nạn nhân da cam, bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Quảng Trị(1121569)								429,61		429,61			0,00									
	Trung tâm Quản lý và Khai thác cơ sở hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp Quảng Trị(1124015)								4.708,74		4.708,74			0,00									
	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Trị(1125345)								456,00		456,00			0,00									
	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị(1125540)								6.602,45		6.602,45			0,00									
	Hội Y - Dược và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Trị(1126762)								230,20		230,20			0,00									
	Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị(1130643)								18.894,18		18.894,18			0,00									
	Trường Phổ thông liên cấp Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị(1131507)								5.447,64		5.447,64			0,00									
	Hội tù chính trị yêu nước tỉnh Quảng Trị(3004392)								442,62		442,62			0,00									
	Câu lạc bộ Đường 9 tỉnh Quảng Trị(3013827)								214,72		214,72			0,00									
	Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị(3018970)								176,99		176,99			0,00									
	Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Trị (Thuộc Sở LĐ TB&XH)								2.715,11					2.715,11	*2.715,11*								
	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hạng mục: Hỗ trợ máy móc thiết bị, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm								498,45					498,45	*498,45*								
	Công trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Hạng mục: Xây dựng và lắp đặt bể thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên đồng ruộng; Xây dựng bể thu gom tái sử dụng và tái chế rác thải hữu cơ.								374,90					374,90	*374,90*								
	Chương trình tăng cường BVMT, ATTP và cấp nước sạch nông thôn; HM: Hỗ trợ hầm Biogas để xử lý chất thải chăn nuôi và tận dụng khí sinh học làm chất đốt phục vụ sinh hoạt gia đình								120,00					120,00	*120,00*								
	Văn phòng Ủy ban nhân dân								383,14		0,00			383,14		*383,14*							
	Văn phòng UBND tỉnh QuảngTrị(1046140)								80,00		0,00			80,00		*80,00*							
	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Quảng Trị(1128348)								303,14		0,00			303,14		*303,14*							
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								26.466,69		0,00			26.466,69		*26.466,69*							
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Quảng Trị(1002282)								5,40		0,00			5,40		*5,40*							
	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn(1022348)								347,43		0,00			347,43		*347,43*							
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị(1022516)								150,49		0,00			150,49		*150,49*							
	BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải(1027926)								6.003,05		0,00			6.003,05		*6.003,05*							
	BQL rừng phòng hộ Hướng Hoá - ĐaKrông(1028835)								7.491,00		0,00			7.491,00		*7.491,00*							
	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Trị(1045685)								1.327,95		0,00			1.327,95		*1.327,95*							
	Tỉnh đội(1053630)								2.316,00					2.316,00		*2.316,00*							
	BQL khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông(1063463)								3.439,00					3.439,00		*3.439,00*							

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản(1097329)								126,00					126,00		*126,00*							
	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng hoá(1105630)								3.738,00					3.738,00		*3.738,00*							
	Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị(1110877)								1.522,37					1.522,37		*1.522,37*							
	Sở Kế hoạch và Đầu tư								264,38					264,38		*264,38*							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị(1035357)								511,89					511,89		*511,89*							
	Sở Tư Pháp Quảng Trị(1045625)								50,00					50,00		*50,00*							
	Sở Công Thương								900,00					900,00		*900,00*							
	Sở Khoa học và Công nghệ								243,80					243,80		*243,80*							
	Sở Tài chính								128,44					128,44		*128,44*							
	Sở Xây dựng								100,00					100,00		*100,00*							
	Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải Quảng Trị(1002332)								186,96					186,96		*186,96*							
	Sở Giáo dục và Đào tạo								20,74					20,74		*20,74*							
	Văn Phòng Sở Giáo dục - Đào tạo Quảng trị(1045863)								20,74					20,74		*20,74*							
	Sở Y tế								3.343,83					3.343,83		*3.343,83*							
	Trung tâm Y tế huyện Triệu Phong(1032920)								25,00					25,00		*25,00*							
	Trung tâm Y tế thành phố Đông Hà(1032924)								11,00					11,00		*11,00*							
	Trung tâm Y tế huyện Gio Linh(1032925)								124,00					124,00		*124,00*							
	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh(1032926)								254,73					254,73		*254,73*							
	Trung tâm Y tế huyện Hải Lăng(1032928)								26,00					26,00		*26,00*							
	Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ(1032930)								8,00					8,00		*8,00*							
	Trung tâm Y tế huyện Hướng Hóa(1033133)								1.191,79					1.191,79		*1.191,79*							
	Trung tâm y tế TX Quảng Trị(1035970)								4,00					4,00		*4,00*							
	VP Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh Quảng Trị(1081196)								200,00					200,00		*200,00*							
	Trung tâm Y tế huyện Đakrông(1083960)								1.114,43					1.114,43		*1.114,43*							
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị(1127896)								384,87					384,87		*384,87*							
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội								3.849,81					3.849,81		*3.849,81*							
	Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Trị(1039502)								244,08					244,08		*244,08*							
	VP Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Trị(1045621)								3.605,73					3.605,73		*3.605,73*							
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch								2.638,03					2.638,03		*2.638,03*							
	VP Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị(1035904)								522,37					522,37		*522,37*							
	Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị(1036991)								259,93					259,93		*259,93*							
	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Quảng Trị(1039496)								1.122,29					1.122,29		*1.122,29*							
	Thư viện tỉnh QuảngTrị(1047115)								733,44					733,44		*733,44*							
	Sở Tài nguyên và Môi trường								749,20					749,20		*749,20*							
	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị(1029290)								199,20					199,20		*199,20*							
	Chi cục Bảo vệ môi trường Quảng Trị(1108199)								550,00					550,00		*550,00*							
	Sở Thông tin và Truyền thông								13.456,29					13.456,29		*13.456,29*							
	Trung tâm CNTT và Truyền thông Quảng Trị(1028536)								103,48					103,48		*103,48*							
	Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Trị(1031562)								13.352,81					13.352,81		*13.352,81*							
	Liên minh các hợp tác xã								297,23					297,23		*297,23*							
	Liên minh hợp tác xã tỉnh Quảng Trị(1039494)								297,23					297,23		*297,23*							

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Ban Dân tộc								3.710,62					3.710,62		*3.710,62*							
	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị(1036682)								3.710,62					3.710,62		*3.710,62*							
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh								250,00					250,00		*250,00*							
	UB mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị(1039983)								250,00					250,00		*250,00*							
	Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh								330,00					330,00		*330,00*							
	Tỉnh Đoàn Thanh niên Quảng Trị(1035356)								330,00					330,00		*330,00*							
	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh								4.697,36					4.697,36		*4.697,36*							
	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng trị(1039500)								4.697,36					4.697,36		*4.697,36*							
	Hội Nông dân tỉnh								278,11					278,11		*278,11*							
	Hội nông dân tỉnh Quảng Trị(1047159)								278,11					278,11		*278,11*							
	Hội Cựu chiến binh tỉnh								200,00					200,00		*200,00*							
	Hội Cựu Chiến binh tỉnh Quảng Trị(1036101)								200,00					200,00		*200,00*							
	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị(1036993)								1.387,22					1.387,22		*1.387,22*							
	Công an Tỉnh(1053629)								630,00					630,00		*630,00*							
	Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị(1130643)								4.222,75					4.222,75		*4.222,75*							
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)**				5.176				4.628,14		0,00	4.628,14				*0,00*							
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)**					1.000			1.437,00		437,00		1.000,00			*0,00*							
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**						85.523		0,00		0,00					*0,00*							
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**						98.487		160,00		160,00					*0,00*							
VI	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU**							2.245.948	0,00		0,00					*0,00*	1.571.626,35						
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**								2.852.715,28		56.355,00					*0,00*		2.796.360,28					
VIII	**CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**								12.448,43		12.448,43					*0,00*			301.772,23				